

UNIT 4: WHAT CAN WE SEE ON A FARM?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh tập đứng thẳng.
- Học sinh suy ngẫm về những gì đã học được.

II. Key vocabulary:



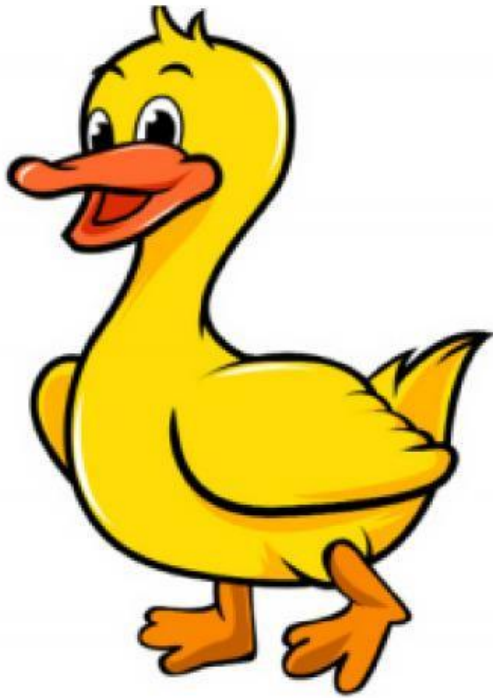
Chick
(Con gà con)



Farmer
(Nông dân)



II. Key vocabulary:



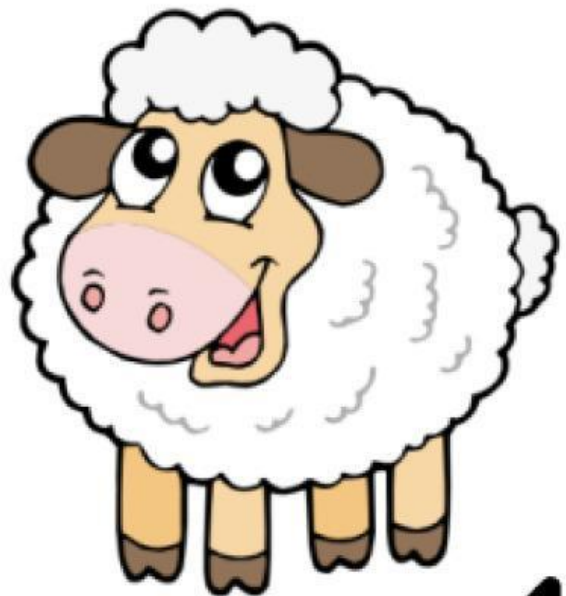
Duck
(Con vịt)



Cow
(Con bò)



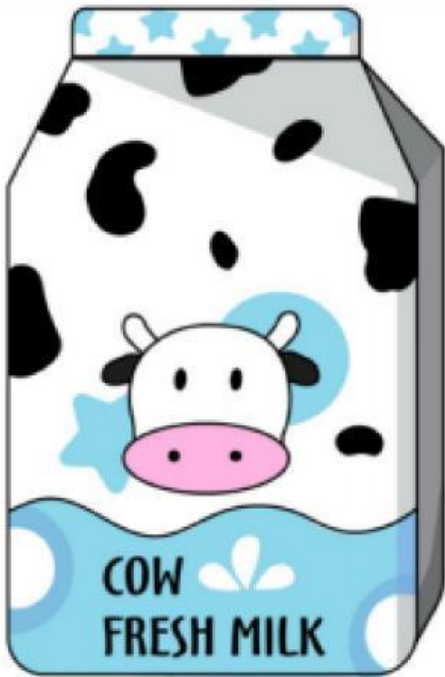
Horse
(Con ngựa)



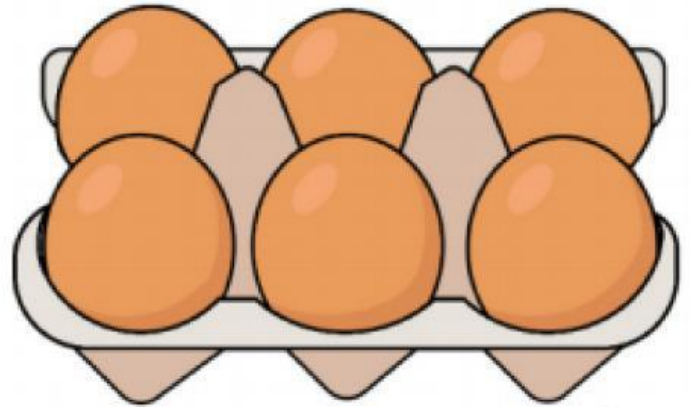
Sheep
(Con cừu)



II. Key vocabulary:



Milk
(Sữa)



Eggs
(Trứng)



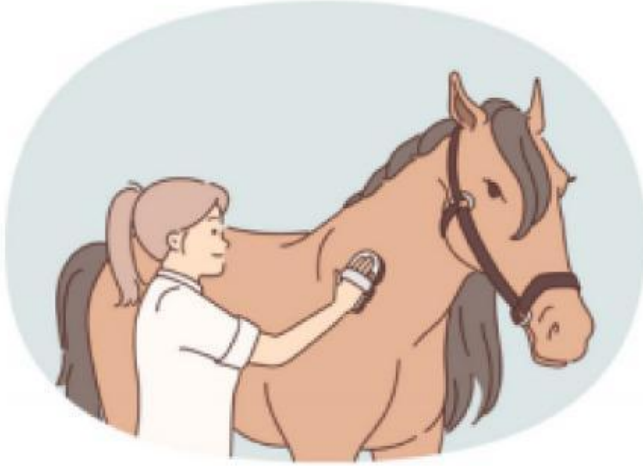
Shear
(Cạo lông)



Collect
(Nhặt)



II. Key vocabulary:



Groom
(Chải lông)



Feed
(Cho ăn)



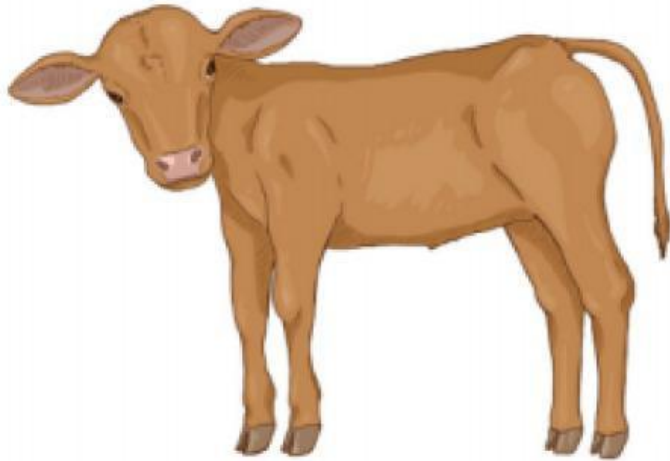
Milk
(Vắt sữa)



Farm
(Nông trại)



II. Key vocabulary:



Calf
(Con bê)



Duckling
(Con vịt con)



Foal
(Con ngựa con)



Lamb
(Con cừu con)



III. Key language:



Milk comes from cows.



Eggs come from hens.



What is the farmer doing? The farmer's (milking) the (cow).

